

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	98 HS, với 3 lớp	120 HS, với 4 lớp	131 HS, với 4 lớp	128 HS, với 4 lớp	136 HS, với 4 lớp
		<p>1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm).</p> <p>2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.</p> <p>3. Nhà trường tuyển sinh học sinh có hộ khẩu và tạm trú tại địa bàn 8 thôn thuộc khu vực nhà trường được phân công.</p>				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006. Và TT 32/2018 của Bộ GD-ĐT về chương trình GDPT 2018</p> <p>* Thực hiện 35 tuần/năm học</p> <p>1. Ngày tựu trường: 29/8/2022 (Riêng Khối lớp 1 là ngày 22/8/2022)</p> <p>2. Ngày khai giảng: 5/9/2022</p> <p>Ngày bắt đầu chương trình học kỳ I đến kết thúc chương trình học kỳ I: Từ ngày: 06/9/2022 đến 15/01/2023 (Tuần 1 bắt đầu từ ngày 06/9/2022 đối với tất cả các khối lớp); Có 18 tuần thực học.</p> <p>3. Ngày kiểm tra cuối học kỳ I: Từ ngày 05/01/2023 đến 10/01/2023 Môn kiểm tra: Toán, Tiếng Việt và Tiếng Anh - Các môn: Khoa học, Lịch sử và Địa lý lớp 4,5 và các môn tự chọn: Tiến hành kiểm tra Từ 05/01/2023 đến 10/01/2023.</p> <p>4. Ngày sơ kết học kỳ I : 15/01/2023</p> <p>5. Học kỳ II (17 tuần thực học), bắt đầu từ ngày 16/01/2023 đến ngày 25/5/2023 và kết thúc năm học ngày 31/5/2023 - Ngày kiểm tra cuối năm : Từ ngày 12/5/2023 đến 15/5/2023</p> <p>Lưu ý: Riêng khối lớp 5 thực hiện kỳ kiểm tra khảo sát chất lượng cuối năm theo lịch của Phòng GD-ĐT.</p> <p>Tổng kết năm học: Từ ngày 15/5/2023 đến 22/5/2023. Kết thúc năm học ngày 31/5/2023</p>				
III	- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	<p>1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình:</p> <p>-Thực hiện theo Thông tư 55/ 2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh.</p> <p>- Cơ sở giáo dục thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, Nhóm zalo... của đơn vị.</p> <p>- Họp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm</p> <p>- Thông tin về Văn bản hợp nhất số 03/2016 và TT số 27/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá học sinh tiểu học.</p> <p>- Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua trang nhóm zalo, masage phần mềm EnetViet của lớp và của trường, trao đổi trực tiếp khi cần thiết và cuộc họp PHHS.</p>				

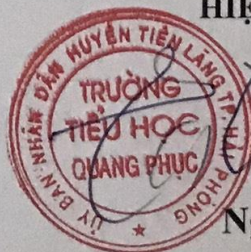
	- Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: - Chấp hành tốt các nội quy và 5 nhiệm vụ của học sinh. - Thái độ học tập tích cực, chủ động. - Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy Thiếu niên, Nhi đồng. - Biết cách tự học; tự chủ, tự giải quyết vấn đề, tự giác và có kỷ luật. - Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ trong các hoạt động.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh. - Sinh hoạt Đội thiếu niên (Khối 4,5), Sao Nhi đồng (khối 1,2,3). - Tổ chức các Lễ phát động: tháng An toàn giao thông, theo chủ đề năm học... - Tổ chức một số hoạt động giao lưu: Chuyên đề ATGT, VSMT, quyền và bổn phận trẻ em, Đồ vui để học, Trò chơi dân gian - Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo yêu cầu.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Thực hiện 5 nhiệm vụ học sinh đầy đủ 100% - 100% học sinh hoàn thành rèn luyện năng lực, phẩm chất. - Lễ phép, tích cực, năng động trong các hoạt động. - Được giáo dục về kỹ năng sống qua các bài dạy lồng ghép và SHTT. - Có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn VS trường lớp, bảo vệ SK - Giữ vững hiệu suất đào tạo, hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 99% trở lên. - Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình bậc Tiểu học: 100%. - Không có học sinh bỏ học, nghỉ học (trừ trường hợp đặc biệt). - Đảm bảo tốt vệ sinh ATTP cho học sinh, đặc biệt là HS bán trú. - Giảm số lượng, tỉ lệ trẻ thừa cân béo phì và bệnh học đường. - Thường xuyên tổ chức vệ sinh trường, lớp đảm bảo PC dịch Covid-19. - 100 % học sinh được khám sức khoẻ ban đầu, phân loại SK HS. - 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế và BH toàn diện theo nhu cầu tự nguyện của Phụ huynh HS.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc của các lớp đã học. - Đủ sức khỏe để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thăm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa cấp Tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh về việc xử lý các tình huống tự phục vụ bản thân và trong cuộc sống của các em.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo (công khai trên trang web, niêm yết bảng tin);
- Tổ khối chuyên môn (triển khai thực hiện);
- Lưu VT

Quang Phục, ngày 10 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



(Handwritten signature)
Nguyễn Duy Viên

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/19	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21/21	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	10279	16,8 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	8530	14 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1050	
1	Diện tích phòng học (m ²)	768	1,34 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	48	0,08 m ² /học sinh
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	52	1,48 m ² /học sinh
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	52	1,48 m ² /học sinh
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội(m ²)	15	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	24	
1.1	Khối lớp 1	4	6/3
1.2	Khối lớp 2	5	6/4
1.3	Khối lớp 3	5	5/4
1.4	Khối lớp 4	5	5/4
1.5	Khối lớp 5	5	5/4
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	10	3 HS/bộ

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	21	21/21
2	Cát xét	2	2/21
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	2/21
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	2/21
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	2	2/21
6	Bảng tương tác thông minh	0	
7	Laptop	3	
8	Máy chiếu cự ly gần	0	
9	Đàn Organ	01	
10	Bảng tương tác kèm phần mềm điều khiển	0	
11	Hệ thống phòng họp trực tuyến	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	50 m ²
XI	Nhà ăn	0 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	09 432 M ²	385	1.13 m ²
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*		5 m ²		8 m ²		15 m ²		15 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	1		1		1	x	1	x

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo (TB lên trang web, bảng công khai);
- Tổ khối chuyên môn (triển khai thực hiện);
- Lưu VT

Quang Phục, ngày 10 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Viên

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
và nhân viên, năm học 2022-2023

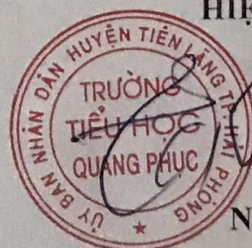
ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp NH: 2021-2022			
			ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Tr. bình	kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	22	6	2	0	0	6	19	13	9	2	0
I	Giáo viên												
	Trong đó GV văn hóa	21	18	3	0	0		7	14	11	9	1	
1	Tiếng dân tộc	0											
2	Ngoại ngữ	1	1						1	1			
3	Tin học	0											
4	Âm nhạc	2	0	2			0	2			2		
5	Mỹ thuật	1	1					1			1		
6	Thể dục	0											
II	Cán bộ quản lý												
1	Hiệu trưởng	1	1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1	1						1	1			
III	Nhân viên												
1	Nhân viên văn thư	0											
2	Nhân viên kế toán	1	1										
3	Thủ quỹ	0											
4	Nhân viên y tế	0											
5	Nhân viên thư viện	1			1		1						
6	Nhân viên TBị, thí nghiệm												
7	Nhân viên CNTT	0											
8	TPT Đội	0											
9	PC-XMC	0											
10	Bảo vệ	1			1								
11	Phục vụ	0											

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo (TB lên trang web, bảng công khai);
- Tổ khối chuyên môn (triển khai thực hiện);
- Lưu VT

Quang Phục, ngày 10 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Viên

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2022 – 2023 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2025	CBQL, GV	27	Tập huấn bồi dưỡng nội dung, chương trình GDPT 2018	Trực tuyến và trực tiếp	Chứng nhận
2	Từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2025	Giáo viên	02	Học nâng chuẩn từ CĐ lên ĐH	Vừa học vừa làm	Bằng Đại học

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo (TB lên trang web, bảng công khai);
- Tổ khối chuyên môn (triển khai thực hiện);
- Lưu VT

Quang Phục, ngày 10 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Duy Viên

Hướng dẫn ghi biểu

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm
- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.....
- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến.....
- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận....)